TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2021
V/v tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy
2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa:

Bà Quách Thị Nên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Hồng D**, sinh năm 1997

ĐKHK: KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh H.

Trú tại: B, phường T1, thị xã K, tỉnh H

- Bị đơn: Anh **Ngô Văn K**, sinh năm 1991

ĐKHK và trú tại: KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh H.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị T, sinh năm 1974

Trú tại: Khu B, phường T1, thị xã K, tỉnh H

(Nguyên *đơn có mặt, bị đơn, người làm chứng vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng D trình bày:

Chị và anh Ngô Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã K, tỉnh H vào ngày

21/01/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô sát, anh K có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm chị. Đến tháng 7/2020 mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh K trở lên căng thẳng, chị và cháu Ngô N đã phải về nhà bố mẹ đẻ của chị tại B, phường T1, thị xã K, tỉnh H sinh sống. Từ đó cho đến nay, chị và anh K mỗi người một nơi, chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và Kiên không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị D xác định, chị và anh K có hai con chung là cháu Ngô N, sinh ngày 26/10/2014 và cháu Ngô A, sinh ngày 31/8/2016. Trước thời điểm kết hôn, chị và anh K có thời gian chung sống với nhau và sinh được cháu Ngô N. Khi chị về nhà mẹ đẻ của chị sinh sống, chị đã đưa cháu Ngô N đi cùng, hiện cháu N đang ở cùng với chị, đối với cháu Ngô A vẫn do anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Để ổn định về chỗ ở, cũng như sinh hoạt của các con chung. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô N. Anh K có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngô A thì chị cũng đồng ý. Chị tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Ngô Văn K trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn anh K xác định như chị D trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn một phần do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm, một phần do chị D có thái độ cư xử không đúng mực với bố mẹ đẻ anh. Đến tháng 7/2020 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị D sinh sống, từ đó vợ chồng mỗi người một nơi chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm. Nay chị D xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không thể hàn gắn đoàn tụ được với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên, do tích chất công việc của anh nên anh không đến Tòa án làm việc được, việc chị D xin ly hôn với anh thì tùy chị D quyết định.

- Về nuôi dưỡng con chung: Anh K cũng xác định anh và chị D có hai con chung là cháu Ngô N, sinh ngày 26/10/2014 và cháu Ngô A, sinh ngày 31/8/2016. Trước khi kết hôn, anh K và chị D có thời gian chung sống với nhau

và sinh được cháu Ngô N. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị D bỏ về nhà mẹ đẻ của chị D sinh sống, khi đi có đưa cháu Ngô N đi cùng, hiện cháu N vẫn do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Ngô A vẫn ở cùng với anh, do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh đối với cháu A được bảo đảm. Do vậy, để ổn định về chỗ ở của các cháu, khi ly hôn, anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngô A. Chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Ngô N thì anh cũng đồng ý. Anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung, cụ thể như sau:

Lời khai của người làm chứng bà Trần Thị T (mẹ đẻ chị D) khai:

Xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D, anh K có nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 7/2020, chị D đã về gia đình của bà sinh sống từ đó cho đến nay. Do anh K mải chơi, không chăm lo gì đến gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Nay chị D về ở với gia đình bà, chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, bà và gia đình sẽ tạo điều kiện ổn định về chỗ ở ổn định và lâu dài cho mẹ con chị D.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh K, yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

Bị đơn anh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, anh K có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn có mặt tại phiên là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án chị D, anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội đoàn tụ được với nhau. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh K là phù hợp

với thực tế tình cảm vợ chồng. Giao cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Ngô N; Giao cho anh K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Ngô A, thời gian nuôi dưỡng con chung đến khi mỗi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh K, chị D không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về yêu cầu phân chia tài sản chung: Chị D, anh K đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh Ngô Văn K cư trú, sinh sống tại phường P, thị xã K, tỉnh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H. Anh K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng anh K đã vắng mặt, anh K có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh K là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D, anh K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh H vào ngày 21/01/2016 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, thì thấy về thời gian mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh K xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự tin tưởng, sự quý trọng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng từ tháng 7/2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh K cũng xác định, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không còn và không thể hàn gắn đoàn tụ được với nhau. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh K. Hội đồng xét xử nhận thấy chị D, anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D, anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh K là phù hợp thực trạng

mâu thuẫn vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi dưỡng con chung:* Chị D, anh K xác định vợ chồng có hai con chung cháu Ngô N, sinh ngày 26/10/2014 và cháu Ngô A, sinh ngày 31/8/2016. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, con chung cháu Ngô N do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình bố mẹ đẻ của chị D. Con chung cháu Ngô A vẫn ở cùng với anh K, do anh K là trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị D xin được trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cháu Ngô N. Anh K có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngô A. Hội đồng xét xử xét thấy về điều kiện nuôi dưỡng đối với các con chung của chị D, anh K là như nhau và đều được đảm bảo. Chị D, anh K đều nhất trí với nguyện vọng xin nuôi dưỡng con chung của nhau. Do vậy, để ổn định về chỗ ở, cũng như quyền lợi mọi mặt của các con chung cần giữ nguyên việc nuôi dưỡng đối với các con chung như anh K, chị D đang nuôi dưỡng, giao cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với cháu Ngô N; Giao cho anh K được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngô A là phù hợp thực tế cũng như nguyện vọng của cả đôi bên.

[5] *Về tài sản, vay nợ chung:* Chị D, anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[6] *Về án phí:* Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ**: Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- **Căn cứ**: điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Bùi Thị Hồng D được ly hôn với anh Ngô Văn K.

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Giao cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Ngô N, sinh ngày 26/10/2014. Giao cho anh K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Ngô A, sinh ngày 31/8/2016. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung

trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị D, anh K không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

2. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị D, anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh H theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0004031 ngày 21/10/2020. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân thị xã K;*
- *Chi cục thi hành án DS thị xã K;*
- *UBND phường P, thị xã K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh